

Bản án số: 130/2024/DS-ST
Ngày: 12-8-2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Đê;

Ông Đỗ Việt Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2024/TLST-TCDS ngày 17 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2024/QĐXXST-TCDS ngày 10 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/QĐST-TCDS ngày 26 tháng 7 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Đỗ Thị H**, sinh năm 1956; địa chỉ: **Xóm F, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định**. (Vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1981; địa chỉ: **Xóm F, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định**. (Vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà **Đỗ Thị H** trình bày:*

Xuất phát từ mối quan hệ quen biết khi cần tiền chị **Trần Thị T** có đến nhà bà **H** hỏi vay tiền. Vào tháng 5 năm 2021 bà **H** có cho chị **Trần Thị T** vay số tiền

mặt là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) và chị **T** có vay bà **H** số tiền 69.000.000đ để đóng hội. Khi cần tiền bà **H** có đến đòi nợ chị **T** nhiều lần thì chị **T** lấy lý do khó khăn không trả nợ cho bà **H** và viết cho bà giấy ghi nhận nợ hứa sẽ thu xếp trả nợ cho bà trong thời gian ngắn nhưng sau đó chị **T** vẫn không trả nợ cho bà **H** số tiền đã vay. Hiện nay bà **H** không liên lạc được với chị **T**.

Do vậy, bà **H** làm đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc chị **Trần Thị T** phải có trách nhiệm trả cho bà **H** tổng số tiền nợ 229.000.000đ, không yêu cầu lấy lãi.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án cho chị **Trần Thị T** theo quy định pháp luật. Do chị **Trần Thị T** không có mặt ở địa phương nên Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đã đăng thông tin tìm kiếm chị **Trần Thị T** trên các phương tiện thông tin đại chúng gồm: Đăng thông tin tìm kiếm trên **B** 3 số liên tiếp 47,48 và số báo gộp 49+50 ra các ngày 12/6, 14/6 và 19/6/2024; trên đài VOV AMS của Trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền thông phát VOV2 vào hồi 17 giờ 30 phút các ngày 14, 15, 16 tháng 6 năm 2024 và trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án về việc bà **Đỗ Thị H** có đơn khởi kiện chị **Trần Thị T** về việc trả khoản vay nợ và tiền vay trả hội nhưng đến nay chị **Trần Thị T** không đến Tòa án làm việc, vắng mặt không có lý do cũng không có văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà **H**. Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ giải quyết vụ án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tại phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Căn cứ Điều 21; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, thông qua việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không hợp tác làm việc với Tòa án, chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà **Đỗ Thị H**; buộc chị

Trần Thị T trả cho bà **Đỗ Thị H** số tiền nợ 229.000.000đ (hai trăm hai mươi chín triệu đồng). Chị **T** phải nộp án phí dân sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà **Đỗ Thị H** khởi kiện yêu cầu chị **Trần Thị T** trả nợ tiền vay. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại **xã H, huyện H, tỉnh Nam Định**. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà **Đỗ Thị H** có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là chị **Trần Thị T** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn:

[3.1] Về số nợ gốc: Theo lời khai của bà **Đỗ Thị H**: Năm 2021, bà có cho chị **Trần Thị T** vay tổng số tiền 229.000.000đồng không xác định thời hạn vay. Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của mình là bản gốc giấy biên nhận viết tay ghi nhận việc chị **T** vay tiền bà **H**.

Bị đơn mặc dù đã được thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án bằng các hình thức tổng đạt niêm yết công khai văn bản tố tụng tại địa chỉ cư trú, thông báo tìm kiếm trên các phương tiện thông tin đại chúng, do chị **Trần Thị T** không có mặt ở địa phương nên Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đã đăng thông tin tìm kiếm chị **Trần Thị T** trên các phương tiện thông tin đại chúng gồm: Đăng thông tin tìm kiếm trên **B** 3 số liên tiếp 47,48 và số báo gộp 49+50 ra các ngày 12/6, 14/6 và 19/6/2024; trên đài VOV AMS của Trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền thông phát VOV2 vào hồi 17 giờ 30 phút các ngày 14, 15, 16 tháng 6 năm 2024 và trên Công thông tin điện tử của Tòa án về việc bà **H** có đơn khởi kiện chị **Trần Thị T** về việc trả nợ tiền vay đã viết giấy ghi nhận nợ nhưng đến nay chị **T** không đến Tòa án làm việc, vắng mặt không có lý do cũng không có văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà **H**, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ Điều 91

của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án căn cứ vào các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án.

[3.2] Như vậy có cơ sở xác định giữa bà **Đỗ Thị H** và chị **Trần Thị T** đã có giao dịch hợp đồng vay tài sản không xác định thời hạn theo quy định tại Điều 463, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015. Nguyên đơn khai đã đòi nợ nhiều lần nhưng chị **T** không trả nợ và đã bỏ đi khỏi nơi cư trú; cắt đứt liên lạc với bà **H**. Do đó căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, cần buộc chị **T** phải trả cho bà **H** số tiền 229.000.000 đồng là phù hợp pháp luật.

[3.3] Về tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bị đơn có nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn được miễn nộp tiền tạm ứng án phí vì thuộc đối tượng người cao tuổi.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Đỗ Thị H** về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản với chị **Trần Thị T**.

Buộc chị **Trần Thị T** có nghĩa vụ trả cho bà **Đỗ Thị H** số tiền nợ là 229.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi chín triệu đồng).

Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc chi **Trần Thị T** phải nộp 11.450.000 đồng (Mười một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- UBND xã Hải Hà;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng